

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Bộ phận kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực thuộc Công ty thương mại đầu tư và phát triển Bình Dương (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) theo Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 20 tháng 3 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 3700413826 (số cũ là 4603000041), đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 18 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1.000.000.000.000 VND

Trong đó:

| Cổ đông | Vốn góp (VND) | Tỷ lệ (%) |
|---|--------------------------|---------------|
| Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên | 607.005.000.000 | 60,70 |
| Ông Nguyễn Tấn Lợi | 4.350.000.000 | 0,43 |
| Ông Lê Minh Tâm | 2.921.700.000 | 0,29 |
| Ông Đoàn Văn Thuận | 3.204.000.000 | 0,32 |
| Bà Lê Thị Diệu Thanh | 4.350.000.000 | 0,43 |
| Các cổ đông khác | 378.169.300.000 | 37,83 |
| Cộng | 1.000.000.000.000 | 100,00 |

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 4 năm 2010 với mã chứng khoán là TDC.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 26 - 27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 – 650) 2 220 666 – 2 220 677
Fax : (84 – 650) 2 220 678
Mã số thuế : 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương | Số 236, Đường DT 743, phường Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước | Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương |
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp cấu kiện bê tông đúc sẵn TDC | Đường Vành đai, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương |
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng | Thôn Ngô Yển, xã An Hồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng |
| Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương | 107 – 109 – 111 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh |
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương | ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|---|
| Văn phòng đại diện Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hà Nội | Phòng 604, tầng 06, toà nhà Noza, số 243 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland | Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |
| Chi nhánh 1 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland | Số 15-16, Lô B, KPTM Unitown, Đường Trần Quốc Toản, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương. |
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland tại Bàu Bàng | Đường NC khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp;
- Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước;
- Môi giới bất động sản; tư vấn bất động sản; đấu giá bất động sản;
- Quảng cáo bất động sản;
- Quản lý bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu;
- Tổ chức các trận thi đấu bóng đá;
- Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện tử, hàng trang trí nội – ngoại thất;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện;
- Nhập khẩu và mua bán các thiết bị thể dục thể thao;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất bảng 1 theo công ước quốc tế);
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Gia công, chế biến đá xây dựng;
- Sản xuất bê tông cốt thép đúc sẵn;
- Sản xuất cấu kiện bằng thép;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội – ngoại thất công trình;
- Lập dự án đầu tư;
- Đầu tư tài chính;
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh các công việc phụ trợ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng (bê tông).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 49).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 24 tháng 4 năm 2014 như sau:

| | VND |
|---|------------------------|
| - Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5,5% lợi nhuận sau thuế) | 7.685.298.970 |
| - Trích thù lao Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát – Thư ký | 700.000.000 |
| - Trích thưởng Ban điều hành | 500.000.000 |
| - Chi trả cổ tức (14% vốn điều lệ) | 140.000.000.000 |
| Cộng | 148.885.298.970 |

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|--------------------------|--------------|----------------------|---------------------|
| Ông Nguyễn Văn Dành | Chủ tịch | 24 tháng 4 năm 2014 | - |
| Bà Bùi Thị Lan | Chủ tịch | 11 tháng 11 năm 2005 | 23 tháng 4 năm 2014 |
| Bà Bùi Thị Lan | Phó Chủ tịch | 24 tháng 4 năm 2014 | - |
| Ông Đoàn Văn Thuận | Thành viên | 25 tháng 4 năm 2007 | - |
| Bà Huỳnh Thị Phương Thảo | Thành viên | 25 tháng 4 năm 2007 | - |
| Ông Quảng Văn Viết Cường | Thành viên | 11 tháng 11 năm 2005 | - |
| Ông Nguyễn Hoàn Vũ | Thành viên | 24 tháng 4 năm 2014 | - |
| Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc | Thành viên | 24 tháng 4 năm 2014 | - |
| Ông Lê Minh Tâm | Thành viên | 01 tháng 4 năm 2002 | 23 tháng 4 năm 2014 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------------|------------|----------------------|-----------------|
| Bà Dương Hồng Ty | Trưởng ban | 07 tháng 11 năm 2003 | - |
| Bà Nguyễn Ngô Hương Dương | Thành viên | 01 tháng 4 năm 2002 | - |
| Bà Lê Thị Diệu Thanh | Thành viên | 25 tháng 4 năm 2007 | - |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|--------------------|-------------------|----------------------|-----------------|
| Ông Đoàn Văn Thuận | Tổng Giám đốc | 07 tháng 11 năm 2003 | - |
| Ông Lê Minh Tâm | Phó Tổng Giám đốc | 07 tháng 11 năm 2003 | - |
| Ông Phan Minh Lâm | Phó Tổng Giám đốc | 18 tháng 02 năm 2011 | - |
| Ông Hồ Hoàn Thành | Phó Tổng Giám đốc | 08 tháng 5 năm 2014 | - |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Văn Dành
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 8 năm 2014





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0723/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 28 tháng 7 năm 2014, từ trang 07 đến trang 49 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 5.150.890.758.311 | 3.587.740.165.489 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 29.310.753.136 | 44.752.000.112 |
| 1. Tiền | 111 | | 22.810.753.136 | 28.252.000.112 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 6.500.000.000 | 16.500.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 3.469.805.500 | 4.708.925.100 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 4.893.242.550 | 8.095.770.935 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | V.3 | (1.423.437.050) | (3.386.845.835) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 833.463.976.756 | 923.131.343.706 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.4 | 789.460.156.933 | 897.685.791.263 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.5 | 28.528.292.412 | 15.333.087.215 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.6 | 20.099.602.048 | 14.736.539.865 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (4.624.074.637) | (4.624.074.637) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 4.107.900.607.563 | 2.609.569.484.007 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 4.107.936.557.311 | 2.609.605.433.755 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (35.949.748) | (35.949.748) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 176.745.615.356 | 5.578.412.564 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8 | 1.033.120.533 | 1.527.176.302 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 166.473.303.180 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.25 | 4.634.234.664 | 412.771.690 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.9 | 4.604.956.979 | 3.638.464.572 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 640.277.839.104 | 655.745.017.043 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 329.172.033.302 | 370.574.325.989 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.10 | 329.172.033.302 | 370.574.325.989 |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 139.644.268.926 | 112.599.875.579 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.11 | 116.205.910.858 | 87.564.356.242 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 180.655.245.447 | 145.922.411.565 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (64.449.334.589) | (58.358.055.323) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 7.753.393.303 | 7.850.431.212 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 8.992.320.743 | 8.992.320.743 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (1.238.927.440) | (1.141.889.531) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.13 | 15.684.964.765 | 17.185.088.125 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | V.14 | 1.467.184.255 | 1.559.848.525 |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | 2.409.271.000 | 2.409.271.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | (942.086.745) | (849.422.475) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 167.224.789.630 | 167.524.789.630 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.15 | 114.370.000.000 | 114.370.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.16 | 16.635.910.000 | 16.635.910.000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.17 | 36.460.000.000 | 36.760.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | V.18 | (241.120.370) | (241.120.370) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.769.562.991 | 3.486.177.320 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.19 | 1.045.066.712 | 1.708.829.704 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.20 | 912.150.791 | 912.150.791 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.21 | 812.345.488 | 865.196.825 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 5.791.168.597.415 | 4.243.485.182.532 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 4.738.177.281.353 | 3.037.600.639.213 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 4.676.488.412.005 | 2.972.675.008.297 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.22 | 325.150.640.433 | 254.157.673.006 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.23 | 2.862.505.691.562 | 1.384.309.403.366 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.24 | 542.118.947.786 | 295.918.332.092 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.25 | - | 50.674.842.903 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | V.26 | 3.289.978.316 | 5.078.542.373 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.27 | 706.988.860.893 | 746.889.593.432 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.28 | 235.829.442.378 | 234.121.053.271 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | V.29 | 524.637.374 | 533.824.281 |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.30 | 80.213.263 | 991.743.573 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 61.688.869.348 | 64.925.630.916 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 89.989.000 | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.31 | 58.474.983.645 | 61.325.587.643 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | V.32 | 3.123.896.703 | 3.600.043.273 |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.052.991.316.062 | 1.205.884.543.319 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.052.991.316.062 | 1.205.884.543.319 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.33 | 1.000.000.000.000 | 1.000.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.33 | 1.841.123.840 | 1.841.123.840 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | V.33 | 4.640.739.814 | 4.640.739.814 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | V.33 | 28.331.589.757 | 28.331.589.757 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | V.33 | 13.537.934.890 | 13.537.934.890 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.33 | 4.639.927.761 | 157.533.155.018 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 5.791.168.597.415 | 4.243.485.182.532 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

| CHỈ TIÊU | Thuyết | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------|------------|------------|
| | minh | | |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | 14.224.277 | 14.224.277 |
| 5. Ngoại tệ các loại | | - | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |


Huỳnh Thị Ánh Tuyết
Người lập biểu

Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2014


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 680.345.285.353 | 583.125.138.942 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | 153.286.561.672 | 136.967.123.243 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 527.058.723.681 | 446.158.015.699 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 474.929.565.390 | 369.760.760.077 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 52.129.158.291 | 76.397.255.622 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 8.873.381.448 | 5.375.482.013 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 19.968.439.252 | 19.008.203.048 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 17.192.376.578 | 17.007.994.773 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 37.818.290.861 | 32.734.901.266 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 15.416.409.985 | 19.732.311.647 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (12.200.600.359) | 10.297.321.674 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 9.562.319.855 | 4.705.222.771 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 1.372.101.783 | 96.346.227 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 8.190.218.072 | 4.608.876.544 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (4.010.382.287) | 14.906.198.218 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.25 | - | 2.670.071.892 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>(4.010.382.287)</u> | <u>12.236.126.326</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | <u>-</u> | <u>-</u> |


Huỳnh Thị Ánh Tuyết
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2014


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------|---------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (4.010.382.287) | 14.906.198.218 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.11, 12, 14 | 7.838.751.065 | 7.958.324.527 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.3 | (1.963.408.785) | 1.596.265.650 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | VI.4 | 4.044.773.128 | 359.390.625 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3, 4, 7, 8 | (8.411.099.268) | (4.666.466.806) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 17.192.376.578 | 17.007.994.773 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 14.691.010.431 | 37.161.706.987 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (33.455.027.354) | 252.247.353.730 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (1.498.331.123.556) | (256.048.890.501) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 1.639.123.025.717 | 302.048.666.118 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.157.818.761 | 426.275.409 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (18.873.004.557) | (84.485.955.700) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.25 | (43.346.949.527) | (32.354.453.110) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | - | 8.256.393.600 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | V.30 | (9.796.829.280) | (17.784.215.177) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 51.168.920.635 | 209.466.881.356 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (2.300.000.000) | (12.414.565.519) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | VI.7 | 854.545.456 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 2.816.087.000 | 269.479.837 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.6; VI.3 | 1.442.721.184 | 1.269.779.099 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 2.813.353.640 | (10.875.306.583) |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

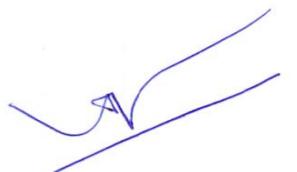
Địa chỉ: Số 26-27, Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | V.22, 31 | 247.073.620.868 | 234.193.158.955 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | V.22, 31 | (178.931.257.439) | (382.017.770.804) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.28, 33 | (137.565.884.680) | (48.945.095.960) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (69.423.521.251) | (196.769.707.809) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (15.441.246.976) | 1.821.866.964 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 44.752.000.112 | 37.936.516.201 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 29.310.753.136 | 39.758.383.165 |



Huỳnh Thị Ánh Tuyết
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2014

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.

4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty có 575 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 504 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ Công ty có nhận chuyển nhượng toàn bộ dây chuyền sản xuất bê tông từ Công ty cổ phần phát triển đô thị. Việc chuyển nhượng bao gồm mua tài sản và nhận toàn bộ nhân viên của bộ phận này phục vụ cho hoạt động sản xuất bê tông của Chi nhánh Công ty kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp Bê tông trộn sẵn Mỹ Phước.

Ngoài ra Công ty còn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại khu đô thị mới thuộc khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương từ Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (Becamex ITC) để triển khai đầu tư dự án Unitown giai đoạn 3 từ năm 2014 đến 2018 và dự án TDC Dragon Hill. Giá trị chuyển nhượng đã thỏa thuận là 5.220.708.600.000 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Đối với các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 23 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 18 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 - 05 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 06 - 10 |
| Tài sản cố định khác | 05 - 08 |

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất là 13 năm.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong thời gian từ 02 - 03 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập được ước tính bằng 05% doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được sử dụng như sau:

| | <u>Mục đích</u> |
|-----------------------------|--|
| • Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty |
| • Quỹ dự phòng tài chính | Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động |

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.085 VND/USD
30/6/2013 : 21.360 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 3.651.414.999 | 3.158.797.778 |
| Tiền gửi ngân hàng | 19.159.338.137 | 25.093.202.334 |
| Các khoản tương đương tiền ^(*) | 6.500.000.000 | 16.500.000.000 |
| Cộng | <u>29.310.753.136</u> | <u>44.752.000.112</u> |

^(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, hợp đồng tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VND đang được cầm cố tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|------------|----------------------|------------|----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn: | | | | |
| - Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ) | 433.709 | 4.893.028.550 | 433.709 | 4.893.028.550 |
| - Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE) | 7 | 154.000 | 190.697 | 3.202.682.385 |
| - Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC) | 6 | 60.000 | 6 | 60.000 |
| Cộng | | 4.893.242.550 | | 8.095.770.935 |

Cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE) giảm do nhượng bán 190.690 cổ phiếu.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | (3.386.845.835) | (2.281.647.335) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | (1.575.190.600) |
| Hoàn nhập dự phòng | 1.963.408.785 | - |
| Số cuối kỳ | (1.423.437.050) | (3.856.837.935) |

4. Phải thu khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Các khách hàng kinh doanh hàng hoá | 344.696.806.719 | 269.468.673.524 |
| Các khách hàng kinh doanh bất động sản | 444.763.350.214 | 628.217.117.739 |
| Cộng | 789.460.156.933 | 897.685.791.263 |

Quyền quản lý, nguồn thu dự án TDC Plaza và dự án Uni - Town của các khách hàng kinh doanh bất động sản ngắn hạn và dài hạn có giá trị 163.000.000.000 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng thương mại đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

5. Trả trước cho người bán

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Trả trước tiền kinh doanh bất động sản | 20.093.338.399 | 8.456.104.155 |
| Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa | 6.825.444.613 | 6.537.184.060 |
| Trả trước các nhà cung cấp khác | 1.609.509.400 | 339.799.000 |
| Cộng | 28.528.292.412 | 15.333.087.215 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản) | 5.202.133.109 | 7.229.777.410 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản) | 837.535.754 | 2.094.941.506 |
| Cổ tức phải thu | 9.507.078.015 | 3.046.653.015 |
| Phải thu tiền ứng vốn hoạt động | 649.003.039 | 649.003.039 |
| Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu | 616.809.261 | 616.809.261 |
| Các khoản phải thu khác | 3.287.042.870 | 1.099.355.634 |
| Cộng | <u>20.099.602.048</u> | <u>14.736.539.865</u> |

7. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 6.630.234.808 | 5.351.841.796 |
| Công cụ dụng cụ | 493.745.420 | 913.704.333 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ^(*) | 3.595.595.768.139 | 2.049.887.785.223 |
| Thành phẩm | 3.290.971.503 | 3.344.676.366 |
| Hàng hóa | 501.925.837.441 | 550.107.426.037 |
| Cộng | <u>4.107.936.557.311</u> | <u>2.609.605.433.755</u> |

(*) Quyền sử dụng đất tại Khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ VSIP Hải Phòng có giá trị sổ sách tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 409.001.882.644 VND được dùng thế chấp tại Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 499.579.298 | 555.913.725 |
| Chi phí sử dụng đường bộ | - | 134.721.922 |
| Chi phí bảo hiểm | 9.750.000 | 125.904.719 |
| Chi phí khác | 523.791.235 | 710.635.936 |
| Cộng | <u>1.033.120.533</u> | <u>1.527.176.302</u> |

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên.

10. Phải thu dài hạn của khách hàng

Phải thu khách hàng theo tiến độ trả góp căn hộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 41.768.667.070 | 22.956.326.325 | 80.003.363.107 | 1.110.793.978 | 83.261.085 | 145.922.411.565 |
| Tăng trong kỳ | 5.179.659.307 | 10.217.198.231 | 20.991.472.521 | 38.571.000 | - | 36.426.901.059 |
| Mua sắm mới | - | 65.454.546 | - | - | - | 65.454.546 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 5.179.659.307 | 10.151.743.685 | 20.991.472.521 | 38.571.000 | - | 36.361.446.513 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (1.694.067.177) | - | - | (1.694.067.177) |
| Số cuối kỳ | 46.948.326.377 | 33.173.524.556 | 99.300.768.451 | 1.149.364.978 | 83.261.085 | 180.655.245.447 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.706.411.133 | 455.787.717 | 5.268.214.457 | 570.767.749 | 83.261.085 | 8.084.442.141 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 9.640.141.363 | 10.144.121.560 | 37.632.615.965 | 857.915.350 | 83.261.085 | 58.358.055.323 |
| Khấu hao trong kỳ | 2.310.833.815 | 1.143.954.864 | 4.144.663.322 | 49.596.885 | - | 7.649.048.886 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (1.557.769.620) | - | - | (1.557.769.620) |
| Số cuối kỳ | 11.950.975.178 | 11.288.076.424 | 40.219.509.667 | 907.512.235 | 83.261.085 | 64.449.334.589 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 32.128.525.707 | 12.812.204.765 | 42.370.747.142 | 252.878.628 | - | 87.564.356.242 |
| Số cuối kỳ | 34.997.351.199 | 21.885.448.132 | 59.081.258.784 | 241.852.743 | - | 116.205.910.858 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | 5.183.290.697 | - | 691.772.088 | 64.252.000 | - | 5.939.314.785 |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 86.529.722.738 VND và 41.640.810.357 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 8.800.000.000 | 192.320.743 | 8.992.320.743 |
| Số cuối kỳ | 8.800.000.000 | 192.320.743 | 8.992.320.743 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 982.666.689 | 159.222.842 | 1.141.889.531 |
| Khấu hao trong kỳ | 88.000.002 | 9.037.907 | 97.037.909 |
| Số cuối kỳ | 1.070.666.691 | 168.260.749 | 1.238.927.440 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|----------------------|
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 7.817.333.311 | 33.097.901 | 7.850.431.212 |
| Số cuối kỳ | 7.729.333.309 | 24.059.994 | 7.753.393.303 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u> | <u>Giảm khác</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------|-----------------------|---------------------------------------|---|----------------------|-----------------------|
| Mua sắm | | | | | |
| TSCĐ | 14.553.428.818 | 34.356.890.206 | (33.729.787.206) | (200.000.000) | 14.980.531.818 |
| XDCB dở dang | 2.631.659.307 | 704.432.947 | (2.631.659.307) | - | 704.432.947 |
| Cộng | 17.185.088.125 | 35.061.323.153 | (36.361.446.513) | (200.000.000) | 15.684.964.765 |

14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> |
|---------------------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 2.409.271.000 |
| Số cuối kỳ | 2.409.271.000 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 849.422.475 |
| Khấu hao trong kỳ | 92.664.270 |
| Số cuối kỳ | 942.086.745 |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 1.559.848.525 |
| Số cuối kỳ | 1.467.184.255 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - |
| Đang chờ thanh lý | - |

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

15. Đầu tư vào công ty con

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|------------|------------------------|------------|------------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân ⁽ⁱ⁾ | 3.600.000 | 36.000.000.000 | 3.600.000 | 36.000.000.000 |
| Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt ⁽ⁱⁱ⁾ | 1.401.685 | 11.050.000.000 | 1.105.000 | 11.050.000.000 |
| Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 1.566.000 | 15.660.000.000 | 1.566.000 | 15.660.000.000 |
| Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex ^(iv) | 4.860.000 | 51.660.000.000 | 4.860.000 | 51.660.000.000 |
| Cộng | | 114.370.000.000 | | 114.370.000.000 |

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701545462 thay đổi lần thứ 05 ngày 08 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân là 36.000.000.000 VND, tương đương 70,59% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701535016 thay đổi lần thứ 6 ngày 03 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt 14.016.850.000 VND, tương đương 77,07% vốn điều lệ. Trong sáu tháng đầu năm 2014 Công ty nhận cổ tức được chia từ lợi nhuận bằng cổ phiếu - số tiền là 2.966.850.000 VND tương ứng 296.685 cổ phiếu. Sự kiện này làm cho số cổ phiếu đầu tư của Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt tăng từ 1.105.000 cổ phiếu lên 1.401.685 cổ phiếu.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700877200 thay đổi lần thứ 04 ngày 07 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex là 15.660.000.000 VND, tương đương 58,00% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700945605 thay đổi lần thứ 03 ngày 17 tháng 9 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex là 51.660.000.000 VND, tương đương 81,00% vốn điều lệ.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty TNHH Sinviet ⁽ⁱ⁾ | | 2.235.910.000 | | 2.235.910.000 |
| Trường Đại học quốc tế Miền Đông ⁽ⁱⁱ⁾ | | 14.400.000.000 | | 14.400.000.000 |
| Cộng | | 16.635.910.000 | | 16.635.910.000 |

4

- (i) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.00.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Đầu tư dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Đầu tư cổ phiếu: | | | | |
| - Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản | 700.000 | 7.000.000.000 | 700.000 | 7.000.000.000 |
| - Công ty cổ phần dược Becamex | 100.000 | 1.020.000.000 | 100.000 | 1.020.000.000 |
| - Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước | 1.700.000 | 13.800.000.000 | 1.700.000 | 13.800.000.000 |
| - Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1 | 1.464.000 | 14.640.000.000 | 1.464.000 | 14.640.000.000 |
| - Công ty cổ phần bóng đá chuyên nghiệp Việt Nam ⁽ⁱ⁾ | - | - | 30.000 | 300.000.000 |
| Cộng | | 36.460.000.000 | | 36.760.000.000 |

⁽ⁱ⁾ Giảm do thu hồi lại vốn đã đầu tư.

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Dự phòng khoản lỗ của các công ty con | - | - |
| Dự phòng khoản lỗ của đầu tư dài hạn khác | (241.120.370) | (241.120.370) |
| Cộng | (241.120.370) | (241.120.370) |

19. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Phân bổ vào chi phí trong kỳ | Giảm khác | Số cuối kỳ |
|------------------------|----------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------|----------------------|
| | Công cụ, dụng cụ | 607.474.116 | 1.137.941.425 | (249.790.443) | (711.244.098) |
| Chi phí thuê văn phòng | 152.118.080 | - | (152.118.080) | - | - |
| Chi phí khác | 949.237.508 | 400.000.000 | (1.082.333.793) | (6.218.003) | 260.685.712 |
| Cộng | 1.708.829.704 | 1.537.941.425 | (1.484.242.316) | (717.462.101) | 1.045.066.712 |

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

21. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ dài hạn.

22. Vay và nợ ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 303.926.640.433 | 234.157.673.006 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾ | 270.267.264.108 | 203.860.852.324 |
| - Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾ | 33.659.376.325 | 30.296.820.682 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.31) | 21.224.000.000 | 20.000.000.000 |
| Cộng | 325.150.640.433 | 254.157.673.006 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại Khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ VSIP Hải Phòng (xem thuyết minh số V.7).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm | 254.157.673.006 | 196.217.506.780 |
| Số tiền vay phát sinh | 243.088.224.866 | 198.067.784.500 |
| Kết chuyển từ vay dài hạn | 6.224.000.000 | 10.000.000.000 |
| Số tiền vay đã trả | (178.319.257.439) | (232.017.770.804) |
| Số cuối kỳ | <u>325.150.640.433</u> | <u>172.267.520.476</u> |

23. Phải trả người bán

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Phải trả tiền hàng hóa bất động sản, xây dựng | 2.697.753.781.662 | 1.251.865.864.198 |
| Phải trả tiền mua nguyên vật liệu | 124.400.750.663 | 130.043.028.984 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 40.351.159.237 | 2.400.510.184 |
| Cộng | <u>2.862.505.691.562</u> | <u>1.384.309.403.366</u> |

24. Người mua trả tiền trước

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản | 247.472.191.326 | 235.144.707.145 |
| Các khoản người mua trả tiền trước khác | 294.646.756.460 | 60.773.624.947 |
| Cộng | <u>542.118.947.786</u> | <u>295.918.332.092</u> |

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong kỳ</u> | <u>Số đã nộp trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---|------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 10.962.378.272 | 1.786.509.792 | (13.331.373.999) | (582.485.935) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 39.670.656.662 | - | (43.305.141.558) | (3.634.484.896) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản | 41.807.969 | - | (41.807.969) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | (412.771.690) | 683.240.529 | (687.732.672) | (417.263.833) |
| Thuế nhà đất | - | 259.816.000 | (259.816.000) | - |
| Thuế tài nguyên | - | 1.996.580 | (1.996.580) | - |
| Thuế môn bài | - | 12.000.000 | (12.000.000) | - |
| Các loại thuế khác | - | 214.500.000 | (214.500.000) | - |
| Cộng | <u>50.262.071.213</u> | <u>2.958.062.901</u> | <u>(57.854.368.778)</u> | <u>(4.634.234.664)</u> |

Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước là 25%).

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (4.010.382.287) | 14.906.198.218 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | (4.010.382.287) | 14.906.198.218 |
| Thu nhập được miễn thuế | (7.773.506.600) | 4.225.910.651 |
| Thu nhập tính thuế | (11.783.888.887) | 10.680.287.567 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | - | 2.670.071.892 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động bất động sản đã tạm nộp | - | (155.915.109) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | - | 2.514.156.783 |

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

26. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**27. Chi phí phải trả**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí lãi vay | - | 1.680.627.979 |
| Trích trước chi phí hoa hồng | - | 3125418804 |
| Lãi cổ tức trả chậm | 9.080.794.800 | 9.080.794.800 |
| Trích trước chi phí công trình | 697.827.511.492 | 733.002.751.849 |
| Chi phí khác | 80.554.601 | - |
| Cộng | <u>706.988.860.893</u> | <u>746.889.593.432</u> |

28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 421.724.781 | 278.490.094 |
| Cổ tức phải trả | 202.874.252.512 | 200.440.137.192 |
| Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng | 23.673.452.313 | 24.831.684.749 |
| Tiền mua cổ phần | 3.010.245.948 | 5.010.245.948 |
| Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án | 50.000.000 | 50.000.000 |
| Tạm thu thuế thu nhập cá nhân | 852.163.743 | 923.718.008 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 4.947.603.081 | 2.586.777.280 |
| Cộng | <u>235.829.442.378</u> | <u>234.121.053.271</u> |

29. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 533.824.281 | 7.016.625.444 |
| Số đã sử dụng | - | (442.699.365) |
| Hoàn nhập trong kỳ | (9.186.907) | (2.597.886.395) |
| Giảm do thanh lý hợp đồng | - | (142.405.560) |
| Số cuối kỳ | <u>524.637.374</u> | <u>3.833.634.124</u> |

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|--------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 229.554.971 | 6.287.971.885 | (7.574.163.280) | (1.056.636.424) |
| Quỹ phúc lợi | 381.040.639 | 1.397.327.085 | (966.666.000) | 811.701.724 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 381.147.963 | 1.200.000.000 | (1.256.000.000) | 325.147.963 |
| Cộng | <u>991.743.573</u> | <u>8.885.298.970</u> | <u>(9.796.829.280)</u> | <u>80.213.263</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

31. Vay và nợ dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng: | | |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾ | 56.762.983.645 | 57.777.587.643 |
| - Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾ | 1.712.000.000 | 3.548.000.000 |
| Cộng | <u>58.474.983.645</u> | <u>61.325.587.643</u> |

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý, nguồn thu dự án TDC Plaza và dự án Unitown có giá trị 163.000.000.000 VND và một số tài sản cố định.

(ii) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để mua sắm tài sản cố định. Khoản vay này được đảm bảo bằng 01 xe Bơm bê tông nhãn hiệu Hyundai thuộc quyền sở hữu của Công ty

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

| | |
|------------------------|------------------------------|
| Dưới 01 năm | 21.224.000.000 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 58.474.983.645 |
| Tổng nợ | <u>79.698.983.645</u> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 61.325.587.643 | 194.008.035.762 |
| Số tiền vay phát sinh | 3.985.396.002 | 36.125.374.455 |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (6.224.000.000) | (10.000.000.000) |
| Số tiền vay đã trả | (612.000.000) | (150.000.000.000) |
| Số cuối kỳ | <u>58.474.983.645</u> | <u>70.133.410.217</u> |

32. Doanh thu chưa thực hiện

Lãi bán nhà trả góp.

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 137.565.884.680 VND (cùng kỳ năm trước là 48.945.095.960 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|--------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 100.000.000 | 100.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>100.000.000</i> | <i>100.000.000</i> |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 100.000.000 | 100.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>100.000.000</i> | <i>100.000.000</i> |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---|--|-------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Tổng doanh thu | 680.345.285.353 | 583.125.138.942 |
| - <i>Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng</i> | <i>138.661.680.658</i> | <i>171.636.235.808</i> |
| - <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | <i>104.423.087.577</i> | <i>71.715.941.518</i> |
| - <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i> | <i>433.069.409.263</i> | <i>336.526.982.670</i> |
| - <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i> | <i>4.191.107.855</i> | <i>3.245.978.946</i> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: (hàng bán bị trả lại) | (153.286.561.672) | (136.967.123.243) |
| Doanh thu thuần | <u>527.058.723.681</u> | <u>446.158.015.699</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - <i>Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng</i> | <i>138.589.325.296</i> | <i>171.636.235.808</i> |
| - <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i> | <i>104.423.087.577</i> | <i>71.715.941.518</i> |
| - <i>Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản</i> | <i>279.855.202.953</i> | <i>199.559.859.427</i> |
| - <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i> | <i>4.191.107.855</i> | <i>3.245.978.946</i> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---|--|-------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng | 128.481.373.126 | 162.829.514.105 |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾ | 85.379.991.034 | 54.011.839.008 |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản | 257.491.680.022 | 149.962.850.533 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 3.576.521.208 | 2.956.556.431 |
| Cộng | <u>474.929.565.390</u> | <u>369.760.760.077</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp | 79.232.787.238 | 72.753.066.955 |
| Chi nhân công trực tiếp | 1.347.074.914 | 1.454.642.718 |
| Chi phí sản xuất chung | 9.150.535.425 | 10.356.356.253 |
| Tổng chi phí sản xuất | 89.730.397.576 | 84.564.065.926 |
| Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | (7.624.117.852) | (30.171.806.614) |
| Chênh lệch nhập xuất khác | 1.884.063.480 | - |
| Tổng giá thành sản xuất | 83.990.343.204 | 54.392.259.312 |
| Chênh lệch tồn kho thành phẩm | 53.704.863 | (376.965.449) |
| Chênh lệch thành phẩm nhập xuất khác | 1.335.942.967 | (3.454.855) |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | 85.379.991.034 | 54.011.839.008 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 129.639.584 | 440.556.155 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 190.412.314 | - |
| Lãi bán hàng trả chậm | 476.146.570 | 549.683.312 |
| Cổ tức, lợi nhuận | 7.773.506.600 | 4.225.910.651 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 303.676.380 | 159.331.895 |
| Cộng | 8.873.381.448 | 5.375.482.013 |

4. Chi phí tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 17.192.376.578 | 17.007.994.773 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 4.044.773.128 | 359.390.625 |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn | (1.963.408.785) | 1.596.265.650 |
| Lỗ do thanh lý cổ phiếu | 686.441.385 | - |
| Chi phí khác | 8.256.946 | 44.552.000 |
| Cộng | 19.968.439.252 | 19.008.203.048 |

5. Chi phí bán hàng

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 10.085.533.913 | 9.165.758.549 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 431.532.495 | 426.725.180 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.980.725.006 | 1.683.330.917 |
| Chi phí hoa hồng môi giới | 4.226.447.252 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.389.241.149 | 4.150.716.838 |
| Chi phí khác | 17.704.811.046 | 17.308.369.782 |
| Cộng | 37.818.290.861 | 32.734.901.266 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 6.704.541.600 | 9.790.918.329 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 582.794.232 | 206.592.806 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.444.524.891 | 1.800.497.290 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.258.344.093 | 992.989.468 |
| Chi phí khác | 5.426.205.169 | 6.941.313.754 |
| Cộng | 15.416.409.985 | 19.732.311.647 |

7. Thu nhập khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 854.545.456 | - |
| Xử lý vật tư hàng hóa thừa | - | 789.114.479 |
| Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình | - | 2.597.886.395 |
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng | 7.884.540.732 | 773.234.708 |
| Thu nhập khác | 823.233.667 | 544.987.189 |
| Cộng | 9.562.319.855 | 4.705.222.771 |

8. Chi phí khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán | 136.297.557 | - |
| Chi phí khác | 1.235.804.226 | 96.346.227 |
| Cộng | 1.372.101.783 | 96.346.227 |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 82.705.019.645 | 77.000.913.496 |
| Chi phí nhân công | 20.116.403.842 | 22.391.098.056 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.838.751.065 | 7.958.324.527 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.254.480.761 | 8.025.840.308 |
| Chi phí khác | 30.180.895.776 | 171.343.467.229 |
| Cộng | 148.095.551.090 | 286.719.643.616 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định từ các nhà cung cấp trị giá 34.126.901.059 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền lương | 665.000.000 | 630.000.000 |
| Tiền thưởng | 315.000.000 | 236.000.000 |
| Cộng | 980.000.000 | 866.000.000 |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

| | |
|---|---------------------------------|
| Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên | Công ty mẹ |
| Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt | Công ty con |
| Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân | Công ty con |
| Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex | Công ty con |
| Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex | Công ty con |
| Công ty liên doanh TNHH SinViet | Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát |
| Trường Đại học quốc tế Miền Đông | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE) | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty cổ phần dược Becamex | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ) | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC) | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC) | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMC) | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông | Công ty liên kết của Công ty mẹ |
| Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore | Công ty liên kết của Công ty mẹ |
| Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (ITC) | Công ty liên kết của Công ty mẹ |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên | | |
| Xuất bán hàng hoá và dịch vụ | 140.436.288.592 | 30.809.998.847 |
| Cổ tức được chia | 84.980.700.000 | 78.910.650.000 |
| Thu hộ tiền bán đất | 612.000.000 | - |
| Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt | | |
| Bán nguyên vật liệu | 39.764.375.835 | 14.253.062.946 |
| Bán bê tông | 7.748.866.437 | 4.383.349.800 |
| Mua dịch vụ thi công công trình | 41.309.475.137 | 33.482.741.633 |
| Cổ tức được chia | 1.483.425.000 | 924.849.000 |
| Cung cấp dịch vụ | 247.448.041 | - |
| Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương | | |
| Mua bất động sản | 1.630.088.595.645 | - |
| Công ty cổ phần phát triển đô thị | | |
| Mua nguyên vật liệu | 1.110.256.316 | - |
| Mua tài sản | 29.787.743.685 | - |
| Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân | | |
| Bán nguyên vật liệu, thành phẩm | 14.123.092.205 | 16.768.297.435 |
| Cung cấp dịch vụ | 211.163.635 | - |
| Cổ tức được chia | - | 1.561.000.000 |
| Nhận cung cấp dịch vụ thi công cửa | - | 3.126.614.454 |
| Ứng tiền mua dịch vụ thi công cửa | 4.021.637.170 | - |
| Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex | | |
| Mua nguyên liệu | 6.282.041.408 | 7.695.458.690 |
| Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex | | |
| Bán nguyên vật liệu | 175.440.958 | 1.454.474.091 |
| Mua nguyên vật liệu, hàng hóa | 2.262.937.535 | 1.925.286.260 |
| Cổ tức được chia | 2.187.000.000 | - |
| Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương | | |
| Bán nguyên vật liệu, thành phẩm | 7.514.281.463 | 1.613.236.849 |
| Cung cấp dịch vụ | 363.901.739 | - |
| Cổ tức được chia | - | 286.045.500 |
| Công ty cổ phần bê tông Becamex | | |
| Bán nguyên vật liệu | 971.942.871 | 2.625.000 |
| Mua nguyên vật liệu | 546.212.500 | - |
| Cổ tức được chia | - | 24.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Công ty cổ phần dược Becamex | | |
| Mua đất nền | 23.374.500 | - |
| Cổ tức được chia | 71.400.000 | - |
| Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước | | |
| Ứng tiền thi công công trình | - | 17.000.000.000 |
| Mua dịch vụ | 1.183.600 | - |
| Xây dựng công trình | 68.261.454.000 | - |
| Cung cấp dịch vụ | 66.018.183 | - |
| Cổ tức được chia | 2.720.000.000 | - |
| Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông | | |
| Ứng tiền thi công công trình | - | 31.500.000.000 |
| Công ty liên doanh TNHH Sin Việt | | |
| Mua nước tinh khiết | 13.510.000 | 4.230.000 |
| Công ty cổ phần khoáng sản Becamex | | |
| Mua nguyên vật liệu | 6.049.161.734 | - |
| Cổ tức được chia | - | 433.709.000 |
| Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận. | | |
| Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau: | | |
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên | | |
| Bán bất động sản | 51.984.067.156 | 79.975.491.156 |
| Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương | | |
| Tiền bán nguyên vật liệu | 1.599.216.396 | 3.599.216.396 |
| Bán Thành Phẩm | 8.666.001.528 | - |
| Công ty cổ phần bê tông Becamex | | |
| Tiền bán nguyên vật liệu | 1.012.242.155 | 45.980.000 |
| Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân | | |
| Tiền bán nguyên vật liệu | 42.028.037.154 | 35.412.763.103 |
| Phải thu cổ tức | 1.561.000.000 | 1.561.000.000 |
| Ứng tiền mua dịch vụ thi công cửa | 4.021.637.170 | - |
| Phải thu khác | 107.375.000 | - |
| Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt | | |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất | 2.064.940.000 | 2.064.940.000 |
| Bán nguyên vật liệu | 51.754.000.845 | 17.201.020.003 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu cổ tức | 1.483.425.000 | - |
| Phải thu tiền bán hàng | 6.362.917.911 | - |
| Phải thu khác | 32.625.000 | - |
| <i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i> | | |
| Ứng tiền mua nguyên vật liệu | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Phải thu tiền bán hàng | 340.524.034 | 147.538.980 |
| Bán TSCĐ | 330.000.000 | 330.000.000 |
| Cổ tức phải thu | 2.187.000.000 | - |
| <i>Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore</i> | | |
| Xây dựng công trình | 3.278.276.802 | 3.278.276.802 |
| <i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i> | | |
| Phải trả thuê căn hộ | - | 50.760.000 |
| Phải thu thi công xây dựng công trình | 123.380.000 | - |
| Cổ tức phải thu | 2.720.000.000 | - |
| <i>Công ty cổ phần dược Becamex</i> | | |
| Cho thuê căn hộ | - | 198.000.000 |
| Cổ tức phải thu | 71.400.000 | - |
| <i>Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông</i> | | |
| Xây dựng công trình | 59.052.623.418 | 65.052.623.418 |
| Cộng nợ phải thu | <u>243.780.689.569</u> | <u>211.917.609.858</u> |
| <i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i> | | |
| Lãi trả chậm cho khoản cổ tức chưa chi | - | 9.080.794.800 |
| Cổ tức phải trả | 200.311.650.000 | 200.311.650.000 |
| Thu hộ tiền bán đất | 672.147.938.857 | 891.535.938.857 |
| Ứng trước tiền xây dựng công trình | 285.671.955.743 | 23.382.740.069 |
| <i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex</i> | | |
| Tiền mua nguyên vật liệu | 3.898.394.473 | 4.725.716.000 |
| <i>Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương</i> | | |
| Phải trả tiền mua bất động sản | 1.791.168.482.217 | - |
| <i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i> | | |
| Mua nguyên vật liệu | 4.947.911.784 | 2.230.432.500 |
| <i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i> | | |
| Mua nguyên vật liệu | 154.143.660 | 346.976.740 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| <i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt</i> Phải trả dịch vụ thi công công trình | 25.858.309.738 | 29.087.055.087 |
| <i>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</i> Thi công công trình | - | 9.108.995.858 |
| <i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i> Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa | 2.042.655.050 | 849.834.200 |
| <i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i> Phải trả tiền mua cổ phần | 3.010.245.948 | 5.010.245.948 |
| Mua nguyên vật liệu | 1.221.281.946 | - |
| Mua tài sản | 32.766.518.054 | - |
| <i>Công ty cổ phần dược Becamex</i> Mua đất nền | 92.454.639.550 | 138.561.138.550 |
| Ứng trước tiền thi công công trình | 5.802.000.000 | 6.000.000.000 |
| <i>Công ty liên doanh TNHH SinViet</i> Mua nước tinh khiết | 1.485.000 | - |
| <i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i> Ứng tiền thi công công trình | - | 23.771.899.850 |
| Cộng nợ phải trả | <u>3.121.457.612.020</u> | <u>1.344.003.418.459</u> |

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông nhựa nóng.
- Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh theo bộ phận của Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Các khách hàng liên quan đến hoạt động thương mại và sản xuất chủ yếu là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên và các công ty cùng Tập đoàn nên khả năng thu hồi vốn luôn được đảm bảo. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty yêu cầu khách hàng phải thanh toán đầy đủ và đúng tiến độ mới bàn giao nhà cho khách hàng. Riêng đối với trường hợp mua nhà trả trong nhiều năm, bộ phận kinh doanh bất động sản theo dõi chi tiết thời hạn thanh toán để có thể thu tiền cho đúng tiến độ. Bên cạnh đó, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc các bộ phận khác để thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | <u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------------------|--|---|---------------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 29.310.753.136 | - | 29.310.753.136 |
| Phải thu khách hàng | 1.111.649.238.835 | 6.982.951.400 | 1.118.632.190.235 |
| Các khoản phải thu khác | 14.872.278.673 | - | 14.872.278.673 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | <u>21.820.060.000</u> | <u>19.533.182.550</u> | <u>41.353.242.550</u> |
| Cộng | <u>1.177.652.330.644</u> | <u>26.516.133.950</u> | <u>1.204.168.464.594</u> |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 44.752.000.112 | - | 44.752.000.112 |
| Phải thu khách hàng | 1.263.571.171.912 | 4.688.945.340 | 1.268.260.117.252 |
| Các khoản phải thu khác | 6.277.017.774 | - | 6.277.017.774 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | <u>22.120.060.000</u> | <u>22.735.710.935</u> | <u>44.855.770.935</u> |
| Cộng | <u>1.336.720.249.798</u> | <u>27.424.656.275</u> | <u>1.364.144.906.073</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Vay và nợ | 325.150.640.433 | 58.474.983.645 | 383.625.624.078 |
| Phải trả người bán | 2.862.505.691.562 | - | 2.862.505.691.562 |
| Các khoản phải trả khác | 942.396.578.490 | - | 942.396.578.490 |
| Cộng | 4.130.052.910.485 | 58.474.983.645 | 4.188.527.894.130 |
| Số đầu năm | | | |
| Vay và nợ | 254.157.673.006 | 61.325.587.643 | 315.483.260.649 |
| Phải trả người bán | 1.384.309.403.366 | - | 1.384.309.403.366 |
| Các khoản phải trả khác | 980.888.666.458 | - | 980.888.666.458 |
| Cộng | 2.619.355.742.830 | 61.325.587.643 | 2.680.681.330.473 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty mua một số dịch vụ với đồng tiền giao dịch là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Công ty như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả người bán | (1.437.562,50) | (1.437.562,50) |
| Các khoản phải trả khác | (13.075.720,00) | (13.075.720,00) |
| Nợ phải trả thuần có gốc USD | (14.513.282,50) | (14.513.282,50) |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 6.200.074.284 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 4.386.639.636 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty có các khoản vay có lãi suất thả nổi tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 383.625.624.078 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 315.483.260.649 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 7.672.512.482 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 3.636.013.960 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền gửi ngân hàng | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng, quyền quản lý, nguồn thu dự án TDC Plaza | 26.000.000.000 | 26.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng, quyền quản lý, nguồn thu dự án Unitown | 137.000.000.000 | 137.000.000.000 |
| Cộng | <u>166.000.000.000</u> | <u>166.000.000.000</u> |

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không có tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 29.310.753.136 | - | 44.752.000.112 | - | 29.310.753.136 | 44.752.000.112 |
| Phải thu khách hàng | 1.118.632.190.235 | (4.624.074.637) | 1.268.260.117.252 | (4.624.074.637) | 1.046.974.257.564 | 1.098.784.191.658 |
| Các khoản phải thu khác | 14.872.278.673 | - | 6.277.017.774 | - | 14.872.278.673 | 6.277.017.774 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 41.353.242.550 | (1.664.557.420) | 44.855.770.935 | (3.627.966.205) | 39.688.685.130 | 41.227.804.730 |
| Cộng | <u>1.204.168.464.594</u> | <u>(6.288.632.057)</u> | <u>1.364.144.906.073</u> | <u>(8.252.040.842)</u> | <u>1.130.845.974.503</u> | <u>1.191.041.014.274</u> |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | Vay và nợ | 383.625.624.078 | 315.483.260.649 | 383.625.624.078 |
| Phải trả người bán | 2.862.505.691.562 | 1.384.309.403.366 | 2.862.505.691.562 | 1.384.309.403.366 |
| Các khoản phải trả khác | 942.396.578.490 | 980.888.666.458 | 942.396.578.490 | 980.888.666.458 |
| Cộng | <u>4.188.527.894.130</u> | <u>2.680.681.330.473</u> | <u>4.188.527.894.130</u> | <u>2.680.681.330.473</u> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2014



Huỳnh Thị Ánh Tuyết
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



M.S.D.N: 3700413826
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KINH DOANH VÀ
PHÁT TRIỂN
BÌNH DƯƠNG
TP. THỦ DẦU MỘT - TỈNH BÌNH DƯƠNG



N.H.T

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|--|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 1.000.000.000.000 | 1.841.123.840 | 4.640.739.814 | 28.331.589.757 | 13.537.934.890 | 157.597.842.470 | 1.205.949.230.771 |
| Lợi nhuận trong năm trước | | | | | | 139.732.708.548 | 139.732.708.548 |
| | | | | | | (9.797.396.000) | (9.797.396.000) |
| Chia cổ tức trong năm trước | | | | | | (130.000.000.000) | (130.000.000.000) |
| Số dư cuối kỳ năm trước | 1.000.000.000.000 | 1.841.123.840 | 4.640.739.814 | 28.331.589.757 | 13.537.934.890 | 157.533.155.018 | 1.205.884.543.319 |
| Số dư đầu năm nay | 1.000.000.000.000 | 1.841.123.840 | 4.640.739.814 | 28.331.589.757 | 13.537.934.890 | 157.533.155.018 | 1.205.884.543.319 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | - | - | (4.010.382.287) | (4.010.382.287) |
| Trích lập các quỹ trong kỳ này | - | - | - | - | - | (8.885.298.970) | (8.885.298.970) |
| Chia cổ tức năm kỳ này | - | - | - | - | - | (140.000.000.000) | (140.000.000.000) |
| Tăng khác | | | | | | 2.454.000 | 2.454.000 |
| Số dư cuối kỳ này | 1.000.000.000.000 | 1.841.123.840 | 4.640.739.814 | 28.331.589.757 | 13.537.934.890 | 4.639.927.761 | 1.052.991.316.062 |


Huỳnh Thị Ánh Tuyết
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2014

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|------------------------|------------------------|--|----------------------|--------------------|------------------------|
| Kỳ này | | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 138.589.325.296 | 104.423.087.577 | 279.855.202.953 | 4.191.107.855 | - | 527.058.723.681 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 138.589.325.296 | 104.423.087.577 | 279.855.202.953 | 4.191.107.855 | - | 527.058.723.681 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 6.121.904.387 | 7.977.805.882 | (403.429.486) | 614.586.647 | - | 14.310.867.430 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | | (15.416.409.985) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | | 8.873.381.448 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | | (19.968.439.252) |
| Chi phí tài chính | | | | | | 9.562.319.855 |
| Thu nhập khác | | | | | | (1.372.101.783) |
| Chi phí khác | | | | | | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | (4.010.382.287) |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | 35.804.798.963 | 2.864.476.468 | - | - | 38.669.275.431 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 347.875.381 | 5.032.559.851 | 3.942.558.149 | - | - | 9.322.993.381 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|--------------------------------|--------------------------|---|----------------------|---------------------------|------------------------|
| Kỳ trước | | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 174.882.214.754 | 71.715.941.518 | 199.559.859.427 | - | - | 446.158.015.699 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 174.882.214.754 | 71.715.941.518 | 199.559.859.427 | - | - | 446.158.015.699 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 7.612.375.151 | 6.946.209.953 | 29.299.767.172 | - | - | 43.858.352.276 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | | (19.928.309.567) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | | 23.930.042.709 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | | 5.375.482.013 |
| Chi phí tài chính | | | | | | (19.008.203.048) |
| Thu nhập khác | | | | | | 4.705.222.771 |
| Chi phí khác | | | | | | (96.346.227) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | | (2.670.071.892) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | 12.236.126.326 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | 241.840.000 | 12.553.107.900 | - | - | 12.794.947.900 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 935.966.045 | 4.648.427.215 | 3.027.471.735 | - | - | 8.611.864.995 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

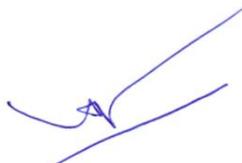
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực tài sản (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

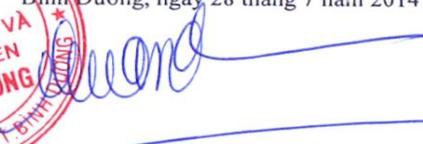
| | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|---------------------|-------------------|--|---------------|--------------------|--------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 270.581.623.741 | 199.246.186.456 | 4.914.979.615.356 | - | - | 5.384.807.425.553 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 406.361.171.862 |
| Tổng tài sản | | | | | | 5.791.168.597.415 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 419.236.299.838 | 5.229.783.413 | 3.725.557.678.958 | - | - | 4.150.023.762.209 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 588.153.519.144 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | | 4.738.177.281.353 |
| Số đầu năm | | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 231.118.857.848 | 119.057.481.383 | 3.646.370.459.204 | - | - | 3.996.546.798.435 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 246.938.384.096 |
| Tổng tài sản | | | | | | 4.243.485.182.531 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 130.347.380.920 | 3.859.539.125 | 1.546.020.815.413 | - | - | 1.680.227.735.458 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 1.357.372.903.755 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | | 3.037.600.639.213 |


Huỳnh Thị Ánh Tuyết
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2014


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc